

Số: 124 /BC-UBND

Nghi Xuân, ngày 30 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO

Tổng kết, triển khai thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ

Thực hiện Công văn số 1371/UBND-NC1 ngày 10/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và Công văn số 292/SNV-XDCQ&CTTN ngày 17/3/2017 của Sở Nội vụ về việc tổng kết, triển khai thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NGHỊ ĐỊNH

1. Khái quát đặc điểm, tình hình của địa phương:

a. Nghi Xuân là huyện nằm phía bắc của tỉnh Hà Tĩnh với diện tích tự nhiên 22 nghìn ha, dân số 99,657 người. Với lợi thế của một huyện có vị trí địa lý khá thuận lợi, tiếp giáp với Thành phố Vinh; là quê hương của địa linh nhân kiệt, danh nhân văn hóa thế giới Đại thi hào Nguyễn Du; tướng công Nguyễn Công Trứ; có khu du lịch biển Xuân Thành và nhiều di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng Quốc gia và Tỉnh.

b. Số đơn vị hành chính cấp xã gồm có 19 đơn vị (17 xã và 2 thị trấn) được phân loại đơn vị hành chính như sau: Loại 1 có 01 xã (Cương Gián); loại 2 có 04 xã và 01 thị trấn (Xuân Hội, Xuân Liên, Cổ Đàm, Xuân Hồng và thị trấn Xuân An); loại 3 có 12 xã và 01 thị trấn (Xuân Trường, Xuân Đan, Xuân Phổ, Xuân Hải, Tiên Điền, Xuân Yên, Xuân Giang, Xuân Lam, Xuân Lĩnh, Xuân Viên, Xuân Mỹ, Xuân Thành và thị trấn Nghi Xuân).

c. Tổng số thôn, tổ dân phố hiện nay 167 đơn vị, trong đó: Thôn loại 1 có 01 thôn; thôn, tổ dân phố loại 2 có 39 thôn, tổ dân phố; thôn, tổ dân phố loại 3 có 136 thôn, tổ dân phố.

Trước năm 2012 (chưa sáp nhập thôn) toàn huyện có 194 thôn, tổ dân phố.

2. Về kết quả thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không

chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 112/2011/NĐ - CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về Công chức xã, phường, thị trấn:

Thực hiện các Nghị định trên của Chính phủ và Quyết định số 25/2010/QĐ-UBND ngày 09/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc Quy định chức danh, số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; số lượng, chức danh, chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn và Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 15/4/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn. Theo quy định, Huyện Nghi Xuân được bố trí 406 cán bộ, công chức cấp xã (trong đó cán bộ 191 người, công chức 215 người), nhưng hiện nay tổng số cán bộ, công chức chỉ có 377 người (trong đó cán bộ 191 người, công chức 186 người), đang còn thiếu 29 công chức cấp xã (trong đó các chức danh thiếu công chức: Công an: 02; Văn phòng - Thống kê: 05; Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng - Môi trường: 06; Văn hóa - Xã hội: 05; Tư pháp - Hộ tịch: 03; Tài chính - Kế toán: 08).

- Về bố trí số lượng cán bộ, công chức hiện nay: Tổng số 379 cán bộ, công chức hiện có được bố trí cho 11 chức danh cán bộ chuyên trách và 7 chức danh công chức của 19 xã, trong đó số lượng cán bộ chuyên trách 191 người; công chức 188 người.

- Về chất lượng, trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức: Thạc sỹ 1,3%, Đại học 57,5%, Cao đẳng 2,3%, Trung cấp 35,8%, Sơ cấp 3,1%.

- Về chế độ, chính sách áp dụng đối với cán bộ, công chức cấp xã: Việc thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT- BNV- BTC-BLĐTB&XH ngày 27/5/2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh & Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định 92/2009/NĐ-CP.

- Về công tác quy hoạch tạo nguồn và đào tạo, bồi dưỡng: Công tác quy hoạch tạo nguồn và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được cấp ủy, chính quyền quan tâm đúng mức. Đại bộ phận cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, có lập trường, quan điểm, bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với mục tiêu lý tưởng và sự nghiệp đổi mới của Đảng; có tinh thần trách nhiệm, gương mẫu, đoàn kết; tích cực học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ. Đã xây dựng các quy chế, quy định về công tác quản lý, tiêu chuẩn các chức danh cán bộ; công tác quy hoạch cán bộ đã được chú trọng; đội ngũ cán bộ các cấp nhất đã được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cả về lý luận và chuyên môn nghiệp vụ; việc bổ nhiệm cán bộ đã được tiến hành đúng quy định, dân chủ, khách quan; xây dựng và thực hiện tốt các chính sách cán bộ. Từ năm 2009 đến nay, huyện đã cử 20 cán bộ chủ chốt thuộc Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Trưởng các tổ chức đoàn thể cấp xã tham gia đào tạo lớp xây dựng Đảng, chính quyền tại Hà Tĩnh; cử 23 cán

bộ chuyên trách cấp xã tham gia lớp đào tạo trung cấp kinh tế nông nghiệp tại Trường Trung cấp Nông nghiệp Hà Tĩnh; cử 115 cán bộ, công chức cấp xã tham gia lớp Trung cấp lý luận chính trị - Hành chính tại Trường chính trị Trần Phú Hà Tĩnh và Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện. Ngoài ra, còn cử 1.759 lượt cán bộ, công chức tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, nghiệp vụ chuyên môn tại Trường Chính trị Trần Phú.

- Về tuyển dụng công chức cấp xã: Thực hiện Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 15/4/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn...đến nay huyện Nghi Xuân đã tuyển dụng được 23 công chức, trong đó: Xét tuyển: 19 công chức, tiếp nhận không qua thi tuyển: 04 công chức. Cụ thể:

+ Xét tuyển: 19 công chức, trong đó năm 2014: 02 công chức (01 Trưởng Công an và 01 công chức Văn hóa - Xã hội); năm 2015: 8 công chức (03 Trưởng Công an và 05 Chỉ huy trưởng Quân sự); năm 2016: 9 công chức (01 Địa chính - Nông nghiệp; 02 Địa chính - Xây dựng; 05 Văn phòng - Thống kê).

+ Tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển: 04 công chức, trong đó: năm 2015: 01 (Tur pháp - Hộ tịch); năm 2016: 03 (02 Địa chính - Xây dựng và 01 Văn phòng - Thống kê).

- Về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu: Từ năm 2011 đến 2016 cho thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với 98 cán bộ, công chức, trong đó: Thôi việc không thực hiện theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ: 7 người; nghỉ hưu đúng tuổi: 39 người; nghỉ công tác do không tái cử: 41 người, (trong đó: hưởng theo chế độ quy định tại Nghị định số 67/2010/NĐ-CP: 7 người; Nghị định số 26/2015/NĐ-CP: 20 người; hết nhiệm kỳ nghỉ việc: 14 người); nghỉ công tác do thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP có 11 người (trong đó: thôi việc ngay: 3 người; nghỉ hưu trước tuổi: 8 người).

- Về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức cấp xã: Từ năm 2011 đến 2016 có 45 cán bộ, công chức, trong đó: Cán bộ chuyên trách có 22 người (năm 2011: 03 người; năm 2012: 11 người; năm 2014: 3 người; năm 2015: 4 người và năm 2016: 01 người); Công chức cấp xã 23 người (năm 2011: 02 người, năm 2012: 05 người, năm 2013: 04 người; năm 2014: 06 người; năm 2015: 06 người).

3. Về thực hiện Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về Sửa đổi Nghị định 92/2009/NĐ-CP về chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

Thực hiện Nghị định số 29/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 26/4/2016 về việc quy định số lượng, chức

danh, mức phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách và những người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố. Kết quả cụ thể:

a. Về chế độ lương áp dụng đối với Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã: Tính đến 31/3/2016 số cán bộ Cựu Chiến binh cấp xã bố trí là 19 người; trong đó (bậc 1 có 8 người; bậc 2 có 7 người; xếp lương ngạch cán sự có 4 người).

b. Về người hoạt động không chuyên trách cấp xã: Theo quy định tại Quyết định số 25/2010/QĐ - UBND của UBND tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện bố trí theo xã loại 1, loại 2, loại 3 tính đến 31/3/2017 là 253 người, trình độ chuyên môn: Đại học: 28,8%, Cao đẳng: 6,7%, Trung cấp: 38,3%, Sơ cấp: 4,7%, chưa qua đào tạo 21,5%. Về năng lực của cán bộ, công chức cơ bản đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ hiện nay.

c. Về người hoạt động không chuyên trách cấp thôn: Tính đến 31/3/2017 bố trí tổng số là 500 người và thực hiện chế độ, chính sách áp dụng đối với người không chuyên trách ở cấp thôn, tổ dân phố theo Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND tỉnh, (kèm theo biểu mẫu).

d) Về số lượng, chất lượng, nhiệm vụ, mức khoán đối với người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố bố trí tổng số là 1.320 người, (kèm theo biểu mẫu).

4. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP:

a) Những kết quả đạt được

- Qua quá trình triển khai, thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP của Chính phủ, nhìn chung công tác cán bộ, công chức cấp xã đã được các cấp uỷ Đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo, thực hiện, từ đó về chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức xã từng bước được nâng lên, ngày càng đáp ứng tốt hơn về tiêu chuẩn hoá cán bộ và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. Việc tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện đảm bảo theo quy định, góp phần nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức trong quản lý, điều hành và thực thi công vụ. Nguồn cán bộ giữ chức vụ bầu cử phần lớn là người tại chỗ. Số lượng và chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã có nhiều thuận lợi so với trước, được sự đồng tình nhất trí cao nhất, là chế độ Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, đại bộ phận cán bộ, công chức cơ sở an tâm phấn khởi, hoàn thành nhiệm vụ chính trị địa phương.

- Chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức cấp xã, thôn được cải cách từ hưởng sinh hoạt phí đến nay được xếp lương ngạch, bậc, theo trình độ đào tạo, được hưởng phụ cấp khu vực, phụ cấp công vụ, được tham gia đóng Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế; đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn mức phụ cấp được nâng lên theo mốc thời gian; đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, công chức cơ sở từng bước được cải thiện và nâng

lên; từ đó tạo được niềm tin, động lực thúc đẩy đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở an tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã đã được cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở quan tâm, hàng năm trích ngân sách hàng tỷ đồng để đảm bảo cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở. Công tác quy hoạch cán bộ đã đi dần vào nề nếp, đến nay các xã đã hoàn thành quy hoạch cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 cơ bản đạt yêu cầu tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ có tuổi đời từ dưới 40 trở xuống.

b) Những hạn chế, bất cập

- Bên cạnh những ưu điểm và kết quả đạt được, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã còn bộc lộ một số tồn tại hạn chế như: phần lớn cán bộ chuyên trách cấp xã không được đào tạo một cách bài bản, chính quy về chuyên môn nghiệp vụ; năng lực quản lý, điều hành, tham mưu và tổ chức thực hiện còn hạn chế. Một số cán bộ, công chức thiếu sự chủ động sáng tạo, việc cập nhật đường lối, chủ trương Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tình chính trị - xã hội còn thiếu kịp thời, vì vậy quá trình chỉ đạo điều hành, giải quyết công việc còn mang tính chủ quan, tùy tiện theo cảm tính cá nhân, dẫn đến hiệu quả công việc đạt thấp hoặc vi phạm pháp luật. Về năng lực, kỹ năng, nghiệp vụ trong thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn còn thấp, thiếu tính chuyên nghiệp, khả năng độc lập, bao quát tình hình, thiếu quyết đoán trong giải quyết công việc, thụ động trong thực thi các nhiệm vụ, khả năng dự báo, tổng hợp, xây dựng chương trình kế hoạch, còn nhiều hạn chế...

- Việc ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn chưa kịp thời, do đó ở địa phương không chủ động được việc triển khai tới từng đối tượng trong thời gian sớm nhất, không động viên kịp thời đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách xã, thôn.

c) Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập.

- Một số cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở chưa quan tâm đúng mức công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở nên chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở chưa cao; một số cán bộ, công chức còn thiếu tinh thần, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức hàng năm còn hạn chế. Chế độ chính sách tiền lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với tình hình hiện nay.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

1. Đối với cấp tỉnh:

- Hiện nay, địa phương đang thiếu 29 công chức cấp xã. Đề nghị tỉnh cho chủ trương tuyển dụng để đảm bảo số lượng cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ chính trị trên địa bàn.

- Đề nghị tỉnh quan tâm hơn nữa về chế độ, chính sách đối với cán bộ bán chuyên trách cấp xã và đội ngũ cán bộ thôn, xóm.

2. Đối với Trung ương:

- Đề nghị Bộ Nội vụ sớm có hướng dẫn về tiêu chuẩn, chức trách nhiệm vụ cụ thể đối với cán bộ cấp xã, thay thế Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ Nội vụ để phù hợp trong tình hình mới.

- Trung ương thống nhất chung ban hành Nghị định về quản lý cán bộ, công chức cấp xã phù hợp trong tình hình hiện nay.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức; chính sách về tiền lương, phụ cấp cho phù hợp với tình hình mới.

Trên đây là báo cáo tổng kết, triển khai thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ - CP ngày 22/10/2009, Nghị định số 112/2011/NĐ - CP ngày 05/12/2011 và Nghị định số 29/2013/NĐ - CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân báo cáo UBND tỉnh và Sở Nội vụ./s

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Nội vụ;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, NV.

Gửi:

- + VB giấy thành phần không nhận IO;
- + VB điện tử thành phần còn lại.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hải Nam

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG NGƯỜI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHÁC Ở THÔN, TỔ ĐÂN PHỐ THEO TỪNG ĐƠN VỊ

(Có mặt đến ngày 31 tháng 03 năm 2017)

T T	Đơn vị xã, phường, thị trấn dùng cho cấp huyện tổng hợp	Tổng số thôn, số đan phố hiện có	Tổng số người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, TDP hiện có	Đảng viên	Dân tộc	Tôn giáo	Nữ	Đại biểu HĐND			Tham gia cấp ủy cấp xã	Trình độ văn hoá			Trình độ chuyên môn					Trình độ lý luận chính trị				Trình độ tin học			Trình độ ngoại ngữ			Chia theo độ tuổi						T.gian công tác		Chi chủ				
								Xã	Huyện	Tỉnh		Tiểu học	TH CS	TH PT	Chưa qua ĐT	SC	TC	CD	DH	Theo sđ, tiền sđ	SC	TC	CC	CN	Chung chỉ (A, B, C)	TC	CD	ĐH	Chung chỉ (A, B, C)	TC	CD	ĐH	Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Từ 51 đến 60			Trên 60 tuổi	<5 năm	>5 năm	
																																				Tổng số người từ 51 đến 60	Trong đó, Nữ từ 51 đến 55					Trong đó, Nam từ 56 đến 60
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42
1	UBND Thị trấn Nghi Xuân	4	32	15	32		14	5					32	16		9	5	2			9				3									7	3	4	6		2	12	15	17
2	UBND Thị trấn Xuân An	13	103	39		12	46	6			1	1	38	64	63	13	11	4	12		15	1			2									24	9	14	23	6	7	33	86	17
3	UBND xã Xuân Hội	11	88	23			54	1					54	34	73	7	7		1		1				2								13	16	19	17	11	6	23	64	24	
4	UBND xã Xuân Trường	10	80	28			51	2					62	18	73	1	5	1															12	11	15	14	11	3	28	73	7	
5	UBND xã Xuân Đan	5	40	17			30	3					18	22	28	5	3	1	3		3	1			3			1	2				10	6	5	9	1	2	10	20	20	
6	UBND xã Xuân Phổ	9	72	24			43	3			1		28	44	55	11	4		2			1			4								14	9	11	21	10	5	17	40	32	
7	UBND xã Xuân Hải	7	56	21			33	1					27	29	40	5	6	1	4		1	1			4								12	8	13	8	4	7	15	22	34	
8	UBND xã Tiên Điền	7	55	17			30	3					26	29	39	5	6	1	4		3	4			1								5	8	7	10	5	5	25	15	40	
9	UBND xã Xuân Yên	10	80	25			40	1				5	41	34	60	5	7	5	3		2				4								14	18	10	14	8	1	24	46	34	
10	UBND xã Xuân Thành	10	80	26			41	3					14	66	63	10	3		4		1	1											18	7	17	15	5	5	23	21	59	
11	UBND xã Xuân Mỹ	8	57	11			32					8	20	29	44	7	3	1	2		0				0								10	6	5	18	7	8	18	13	44	
12	UBND xã Cổ Đạm	12	96	20			37	1					48	48	83	8	1	2	2		5	1	1		3								27	9	9	19	5	6	32	73	23	
13	UBND xã Xuân Liên	11	88	18		2	29	2				1	62	25	81		2	1	4		2	3			4								11	16	17	19	2	7	25	64	24	
14	UBND xã Cương Gián	15	120	26		1	42	4				4	91	25	102	10	4		4		6				4								24	8	19	25	8	17	44	70	50	
15	UBND xã Xuân Giang	7	55	21			25	2				1	10	44	34	3	4	7	7		3	7	1		1								14	6	4	12	4	3	19	32	23	
16	UBND xã Xuân Viên	9	72	29			37	3					26	46	50	15	3	3	1		9	1											12	15	20	11	1	1	14	50	22	
17	UBND xã Xuân Hồng	9	66	19	66	1	25	2					28	38	53	7	3	1	2						2								17	13	8	11	6	5	17	58	8	
18	UBND xã Xuân Lam	5	40	13			18	4					22	17	33		2	4	1		1	2			2								9	4	10	7		5	10	16	24	
19	UBND xã Xuân Lĩnh	5	40	18			21	3			1		27	13	28	7	1		4		10												10	6	5	11	2	5	8	16	24	
Cộng		167	1320	410	98	16	648	49	0	0	3	20	642	657	1018	119	84	37	62	0	62	32	2	0	39	0	0	1	20	0	0	1	263	178	212	270	96	100	397	794	526	

(cấp huyện, cấp xã lưu 01 bản, nộp Sở Nội vụ 01 bản)

Nghi Xuân, ngày 31 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



Ngô Văn Mạnh



TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ THEO TỪNG ĐƠN VỊ

(Có mặt đến ngày 31 tháng 03 năm 2017)

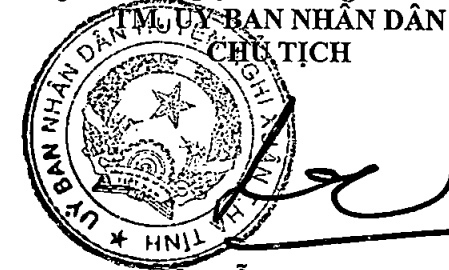
T T	Đơn vị xã, phường, thị trấn dùng cho cấp huyện tổng hợp	Tổng số thôn, tổ dân phố hiện có	Tổng số người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Đảng viên	Dân tộc	Tôn giáo	Nữ	Đại biểu HĐND			Tham gia cấp ủy cấp xã	Trình độ văn hoá			Trình độ chuyên môn					Trình độ lý luận chính trị				Trình độ tin học			Trình độ ngoại ngữ			Chia theo độ tuổi						T.gian công tác		Ghi chú				
								Xã	Huyện	Tỉnh		Tiểu học	TH CS	TH PT	Chưa qua DT	SC	TC	CD	ĐH	Thạc sĩ, tiến sĩ	SC	TC	CC	CN	Chứng chỉ (A, B, C)	TC	CD	ĐH	Chứng chỉ (A, B, C)	TC	CD	ĐH	Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Từ 51 đến 60			Trên 60 tuổi	≤ 5 năm	> 5 năm	
																																				Tổng số người từ 51 đến 60	Trong đó, Nữ từ 51 đến 55					Trong đó, Nam từ 56 đến 60
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42
1	UBND Thị trấn Nghi Xuân	4	12	10	12		1	4			1		12	7	1	3	1				9													1	1	5		2	5	4	8	
2	UBND Thị trấn Xuân An	13	39	24		6	3	5			1		18	21	26	3	6		4		6	7	1		1									2	3	16	1	9	18	23	16	
3	UBND xã Xuân Hội	11	32	17			7	3			1		26	6	26		5		1				1											1	3	18	2	7	10	20	12	
4	UBND xã Xuân Trường	10	30	17			12	6					20	10	27	1	2				3													4	2	16	7	5	8	22	8	
5	UBND xã Xuân Đan	5	15	9			3	5					9	6	10	1	4																	2	8	1		5	4	11		
6	UBND xã Xuân Phổ	9	27	17			3	8			1		12	15	21	4	2					4			3									2	17	1	10	8	9	18		
7	UBND xã Xuân Hải	7	21	12			4	7			1		4	17	14		5	1	1		2												2	4	6	1	2	9	10	11		
8	UBND xã Tiên Điền	7	21	17			1	8					6	15	12	2	7				6	4			1								1	4	8	1	7	8	4	17		
9	UBND xã Xuân Yên	10	30	21			9	10			1		21	9	24	3	3				5	1			1								3	10	13	1	7	4	9	21		
10	UBND xã Xuân Thành	10	30	13			4	6			1		14	16	25	2	2	1			4	3											1	9	11		6	9	3	27		
11	UBND xã Xuân Mỹ	8	24	18			1	9			1	0	11	13	18	3	2		1		1			1									1	5	13		12	5	12	12		
12	UBND xã Cổ Đạm	12	36	19			1	11			2		21	15	25	6	5				3	2			1									1	10	13		5	12	12	24	
13	UBND xã Xuân Liên	11	33	12		1	1	11			1		31	2	33						4	1												2	12	1	6	19	10	23		
14	UBND xã Cương Gián	15	45	27			2	11					31	14	37	4	2	1	1		8	5			4								1	3	7	17	5	12	17	27	18	
15	UBND xã Xuân Giang	7	21	17			1	10			3		3	18	14		5	1	1		6	4	1		2									1	4	13		4	3	11	10	
16	UBND xã Xuân Viên	9	27	18			1	7			2		11	16	27						4	1											1	4	8	10		4	9	18		
17	UBND xã Xuân Hồng	9	27	20	27			10					21	6	21	5	1								8								3	5	8		8	11	13	14		
18	UBND xã Xuân Lam	5	15	13			1	5					11	4	15							1												4	7		2	4	4	11		
19	UBND xã Xuân Lĩnh	5	15	13				5				0	7	8	14	1					9				3									1	3	8		2	3	1	14	
	Cộng	167	500	314	39	7	55	141	0	0	16	0	277	223	396	35	52	7	10	0	61	42	3	0	25	0	0	0	2	0	0	0	4	27	88	219	21	106	162	207	293	

(cấp huyện, cấp xã lưu 01 bản, nộp Sở Nội vụ 01 bản)

Nghi Xuân, ngày 31 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngô Văn Mạnh



Nguyễn Hải Nam

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ THEO CHỨC DANH
(Có mặt đến ngày 31 tháng 03 năm 2017)

Mẫu số 13b/TH.KCT thôn

T	Chức vụ, chức danh	Tổng số người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Đảng viên	Dân tộc	Tôn giáo	Nữ	Đại biểu HDND			Tham gia cấp ủy cấp xã	Trình độ văn hoá			Trình độ chuyên môn					Trình độ lý luận chính trị				Trình độ tin học			Trình độ ngoại ngữ			Chia theo độ tuổi						T.gian công tác		Chi chú						
							Xã	Huyện	Tỉnh		Tiểu học	TH CS	TH PT	Chưa qua ĐT	SC	TC	CĐ	ĐH	Thạc sỹ, tiến sỹ	SC	TC	CC	CN	Chứng chỉ (A, B, C)	TC	CĐ	ĐH	Chứng chỉ (A, B, C)	TC	CĐ	ĐH	Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Từ 51 đến 60			Trên 60 tuổi	<5 năm	>5 năm			
																																			Tổng số người từ 51 đến 60	Trong đó, Nữ từ 51 đến 55					Trong đó, Nam từ 56 đến 60		
1	Bí thư chi bộ + Trưởng ban CT MT	167	167	0	0	25	33	0	0	12	0	79	88	107	18	32	3	7	0	33	30	2	0	7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	19	53	7	32	92	69	98	
2	Bí thư chi bộ + Trưởng thôn, tổ dân phố																																										
3	Bí thư chi bộ																																										
4	Trưởng thôn, tổ dân phố	166	87	0	4	30	101	0	0	4	0	89	77	131	13	17	4	1	0	23	10	1	0	14	0	0	0	1	0	0	0	0	0	6	27	81	10	40	52	75	91		
5	Trưởng thôn, tổ dân phố + Trưởng ban CT																																										
6	Công an viên + Thôn, tổ phố (ở địa bàn xã, thị trấn)	167	60	0	3	0	7	0	0	0	0	109	58	158	4	3	0	2	0	5	2	0	0	4	0	0	0	1	0	0	0	4	18	42	85	4	34	18	63	104			
7	Tổ đội trưởng (quân sự) + tổ phó tổ dân phố (ở thôn, tổ dân phố)																																										
Cộng		500	314	0	7	55	141	0	16	0	277	223	396	35	52	7	10	0	61	42	3	0	25	0	0	0	2	0	0	0	4	27	88	219	21	106	162	207	293				

(cấp huyện, cấp xã lưu 01 bản, nộp Sở Nội vụ 01 bản)

Nghi Xuân, ngày 31 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



(Handwritten signature of Ngô Văn Mạnh)

Ngô Văn Mạnh

Nguyễn Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MÃU SỐ 16/TH.CBCCBP.

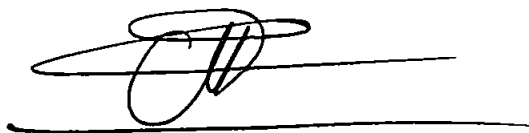
TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP HUYỆN ĐƯỢC ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN, BIỆT PHÁI VỀ CẤP XÃ NĂM
2017

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ, chức danh đảm nhiệm trước khi biệt phái về cấp xã	Chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã hiện giữ	Được điều động, luân chuyển, biệt phái về xã (phường, thị trấn)	Ghi chú
		Nam	Nữ				
A	1	2	3	4	5	6	7
1	Nguyễn Hồng Khoan	02/02/1972		Phó Chủ tịch Hội Nông dân huyện	Bí thư Đảng ủy	xã Xuân Hồng	
Tổng cộng				1 người			

(Cấp huyện lưu 01 bản, nộp Sở Nội vụ 01 bản)

Nghi Xuân, ngày 31 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



Ngô Văn Mạnh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Hải Nam